



cūn luò
村落

noun · village; hamlet

Example Sentences

Zhè ge cūn luò hěn xiǎo zhǐ yǒu jǐ shí hù rén jiā
这个村落很小，只有几十户人家。

This village is very small, with only a few dozen households.

Shān lǐ de cūn luò jiāo tōng hěn bù fāng biàn
山里的村落交通很不方便。

The villages in the mountains have very inconvenient transportation.

Trace each character, then write the word on your own.

村	村	村	村	村	村	村	村	村	村		
落	落	落	落	落	落	落	落	落	落	落	
落	落	落	落								